



## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### 1. THÔNG TIN CHUNG

|      |   |   |
|------|---|---|
| 1.1  | Tên học phần                            | <i>Tiếng Việt:</i> Quản trị tài chính doanh nghiệp 1<br><i>Tiếng Anh:</i> Corporate finance 1 |
| 1.2  | Mã học phần                             | FN212   |
| 1.3  | Thuộc khối kiến thức                    | Chuyên ngành  |
| 1.4  | Tính chất của học phần                  | Bắt buộc  |
| 1.5  | Khoa phụ trách                          | Khoa Kinh tế - Quản lý  |
| 1.6  | Số tín chỉ                              | 03  |
| 1.7  | Điều kiện tiên quyết                    | Tài chính doanh nghiệp (FN211)  |
| 1.8  | Thời lượng giảng dạy trực tiếp          | 45 giờ (30 giờ lý thuyết + 15 giờ thực hành, bài tập và thảo luận)                            |
| 1.9  | Thời lượng giảng dạy kết hợp E-Learning |   |
| 1.10 | Ngày ban hành                           | 21/4/2022   |

### 2. YÊU CẦU CỦA HỌC PHẦN

**Về kiến thức,** học phần yêu cầu sinh viên được trang bị trước những kiến thức chung về nguyên lý kế toán và một số kiến thức về toán tài chính (như xác suất thống kê), các kiến thức chung về các hoạt động của doanh nghiệp cũng như các nguyên tắc cơ bản trong quản trị tài chính doanh nghiệp

**Về trang thiết bị,** lớp học được diễn ra tại phòng học của Trường Đại học Thăng Long có máy tính, máy chiếu để giảng viên thuyết giảng và hướng dẫn sinh viên thực hành. Ngoài ra sinh viên cần in sẵn các tài liệu để phục vụ việc học tập và sử dụng máy tính bỏ túi hoặc máy tính tài chính

**Về nội quy,** sinh viên nghiêm túc thực hiện Nội quy lớp học và:

- Theo dõi và thực hiện các thông báo hướng dẫn học tập của giảng viên trong MS Team của lớp (nếu có);
- Phải tham gia học ít nhất 70% số giờ quy định;
- Đi học muộn quá 15 phút thì không được vào lớp và được coi là nghỉ buổi học đó;
- Bắt buộc phải tham gia nhóm để làm các bài tập trên lớp và làm bài thi cuối kỳ;

- Hoàn thành bài tập giảng viên giao trước khi đến lớp;
- Làm đầy đủ 01 bài kiểm tra của học phần;
- Bắt buộc làm bài thi cuối kỳ.

### 3. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần “Quản trị tài chính doanh nghiệp 1” đề cập đến những kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong hoạt động quản lý tài chính ngắn hạn của doanh nghiệp, cụ thể: các phương pháp, mô hình quản lý tài chính hiện đại trong quản lý tài sản ngắn hạn như quản lý tiền mặt và chứng khoán khả thi, quản lý hàng lưu kho, quản lý tín dụng thương mại, quản lý vốn ngắn hạn và cách thức xác định vốn tối ưu cho doanh nghiệp

#### 3.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần

| Mục tiêu   | Chuẩn đầu ra   |
|--|--|
| CO1: <i>Vận dụng</i> lý thuyết chuyên sâu về quản trị tài chính doanh nghiệp trong ngắn hạn  | 1.1. Nhận thức rõ các loại tài sản ngắn hạn và tầm quan trọng của việc xác định nhu cầu đầu tư vào các loại tài sản ngắn hạn   |
|  | 1.2. Phân tích các quyết định của một doanh nghiệp trong điều kiện của những thay đổi về đầu tư các loại tài sản ngắn hạn, chính sách tín dụng   |
|  | 1.3. Hiểu được đặc điểm của các phương thức huy động vốn trong ngắn hạn và chi phí của các phương thức.  |
| CO2: <i>Thể hiện</i> kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực tài chính trong doanh nghiệp | 2.1. Thể hiện đạo đức, trách nhiệm của nhà quản trị trong quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm soát đánh giá các quyết định tài chính ngắn hạn trong doanh nghiệp                               |
|  | 2.2. Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian... |
|  | 2.3. Phát triển khả năng hợp tác, truyền thông, tính cam kết và tinh thần trách nhiệm của người học.   |
| CO3: <i>Thể hiện</i> kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp             | 3.1. Hoạt động hiệu quả khi ở các vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên nhóm phụ trách một khía cạnh quản trị tài chính doanh nghiệp   |
|  | 3.2. Trình bày một vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp một cách rõ ràng, thuyết phục bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt   |
|  | 3.3. Sử dụng thành thạo các thiết bị số, các phần mềm ứng dụng văn phòng   |



| TT   | Chuẩn đầu ra của học phần   | Chuẩn đầu ra CTĐT |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
|------|---|-------------------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
|      |   | 1.3.2             | 2.1.1 | 2.1.2 | 2.2.1 | 2.2.2 | 2.2.3 | 3.1.1 | 3.1.2 | 3.2.1 | 3.3.1 | 3.3.2 | 4.1.1 | 4.1.2 | 4.2.3 |
| 3.   | <b>Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong hoạt động quản trị tài chính doanh nghiệp</b>       |                   |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |       |
| 3.1. | Hoạt động hiệu quả khi ở các vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên nhóm phụ trách một khía cạnh quản trị tài chính doanh nghiệp |                   |       |       |       |       |       |       |       | 4     | 4     |       |       |       |       |
| 3.2. | Trình bày một vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp một cách rõ ràng, thuyết phục bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt               |                   |       |       |       |       |       |       |       | 4     | 4     |       |       |       |       |
| 3.3. | Sử dụng thành thạo các thiết bị số, các phần mềm ứng dụng văn phòng   |                   |       |       |       |       |       |       |       | 4     | 4     |       |       |       |       |

K: Kiến thức 1 - Biết/Nhớ 2 - Hiểu 3 - Vận dụng 4 - Phân tích 5 - Tổng hợp 6 - Đánh giá

A: Thái độ 1 - Tiếp nhận 2 - Hồi đáp 3 - Đánh giá 4 - Tổ chức 5 - Tính cách

S: Kỹ năng 1 - Bất chước 2 - Thao tác được 3 - Thao tác chính xác 4 - Thao tác biến hóa 5 - Thao tác thuần thục

## 4. KẾ HOẠCH DẠY - HỌC

| Tuần | Nội dung   | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần                              | Hoạt động dạy - học   | Hoạt động kiểm tra đánh giá   | Tài liệu tham khảo                              |
|------|--|-----------|---------------|---|---|---|---|
| 1    | <b>Chương 1. Quản trị TSNH</b><br>1.1. Tổng quan về tài sản ngắn hạn<br>1.2. Khả năng thanh toán và vòng quay của tiền<br>1.3. Chiến lược quản trị TSNH và Nợ ngắn hạn | 4         | 1             | 1.1_2<br>2.1_3<br>2.2_3<br>3.1_3          | <b>GV:</b><br>(1) Giới thiệu học phần (đề cương chi tiết, tài liệu học tập, đánh giá người học, lịch kiểm tra, hình thức thi cuối kỳ).<br>(2) Phổ biến nội quy lớp học.<br>(3) Thuyết giảng nội dung về tài sản ngắn hạn, đặc tính của tài sản ngắn hạn trong doanh nghiệp<br>(4) Giao nhiệm vụ cho SV<br><b>SV:</b><br>(1) Nghiên cứu tài liệu.<br>(2) Làm bài tập tình huống. | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua tài liệu được cung cấp | [1]-Chương 2<br>[2]-Chương 1<br>[4]- Chương 1   |
| 2    | <b>Chương 1. Quản trị TSNH</b><br>1.4. Xác định nhu cầu vốn lưu động<br>1.5. Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH   | 4         | 1             | 1.2_3<br>2.1_3<br>2.2_3<br>3.1_4<br>2.3_3 | <b>GV:</b><br>(1) Thuyết giảng về các phương pháp xác định nhu cầu vốn lưu động trong doanh nghiệp và các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sử dụng TSNH.<br>(2) Giao nhiệm vụ cho SV.<br><b>SV:</b><br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.   | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua tài liệu được cung cấp | [1]- Chương 2<br>[2]- Chương 2<br>[3]- Chương 4 |
| 3    | <b>Chương 2. Quản trị ngân quỹ</b><br>2.1. Khái niệm ngân quỹ  | 3         | 2             | 1.2_4<br>2.1_3<br>2.2_3                   | <b>GV</b><br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về ngân quỹ và mục tiêu cũng như các phương pháp quản lí ngân quỹ  | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương và                               | [1]- Chương 3<br>[3]- Chương 3<br>[4]- Chương 2 |

| Tuần | Nội dung  | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CĐR học phần  | Hoạt động dạy - học   | Hoạt động kiểm tra đánh giá  | Tài liệu tham khảo  |
|------|---|-----------|---------------|---|---|--|---|
|      | 3.2. Khái niệm Quản trị ngân quỹ trong doanh nghiệp<br>3.3. Nội dung quản trị ngân quỹ  |           |               | 3.1_4<br>2.3_3  | (2)Đưa ra tình huống phân tích ngân quỹ và các hoạt động quản trị ngân quỹ thực tế các doanh nghiệp đang áp dụng.<br>(3)Giao nhiệm vụ cho SV.<br><b>SV:</b><br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.   | bài tập trong tài liệu được cung cấp   |   |
| 4    | <b>Chương 3. Quản trị khoản phải thu</b><br>3.1. Khái niệm khoản phải thu và quản trị khoản phải thu<br>3.2. Nội dung quản trị khoản phải thu | 4         | 1             | 1.2_4<br>1.3_3<br>2.1_3<br>2.2_3<br>2.3_3<br>3.1_4<br>3.2_4 | <b>GV:</b><br>(1)Thuyết trình các nội dung lý thuyết các đặc trưng của khoản phải thu và các nội dung quản trị khoản phải thu<br>(2)Đưa ra tình huống phân tích các vấn đề thực tế có thể phát sinh liên quan đến khoản phải thu trong doanh nghiệp<br>(3)Giao nhiệm vụ cho SV.<br><b>SV:</b><br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)<br>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương và bài tập trong tài liệu được cung cấp | [1]- Chương 5<br>[2]- Chương 4<br>[4]- Chương 2           |
| 5    | <b>Chương 3. Quản trị khoản phải thu</b><br>3.2. Nội dung quản trị khoản phải thu   | 3         | 2             | 3.3_4<br>3.4_4  | <b>GV</b><br>(1) Thuyết giảng lý thuyết về lựa chọn các chính sách tín dụng trong doanh nghiệp<br>(2) Giao nhiệm vụ cho sinh viên<br><b>SV</b><br>(1) Tự học<br>(2) Làm bài tập   | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương và bài tập trong tài liệu được cung cấp | [1]- Chương 5<br>[2]- Chương 7, Chương 8<br>[4]- Chương 3 |

| Tuần | Nội dung   | Số giờ<br>LT | Số giờ<br>BT/<br>TL | CĐR<br>học<br>phần                                 | Hoạt động dạy - học  | Hoạt động<br>kiểm tra<br>đánh giá   | Tài liệu<br>tham khảo                                      |
|------|--|--------------|---------------------|--|--|---|--|
| 6    | <p>Nội dung</p> <p><b>Chương 4. Quản trị dự trữ</b></p> <p>4.1. Mục tiêu quản trị dự trữ</p> <p>4.2. Nội dung quản trị dự trữ</p>    | 3            | 2                   | 1.4_4<br>2.1_4<br>2.2_4<br>2.3_3<br>3.1_4<br>3.2_4 | <p><b>GV:</b></p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết dự trữ và nội dung quản trị dự trữ (mô hình EOQ, ABC)</p> <p>(2) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p><b>SV:</b></p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).</p> <p>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p>   | <p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương và bài tập trong tài liệu được cung cấp</p> | [1]- Chương 5<br>[2]- Chương 7, Chương 8<br>[4]- Chương 3  |
| 7    | <p><b>Chương 4. Quản trị dự trữ</b></p> <p>4.2. Nội dung quản trị dự trữ</p> <p>4.3. Phân tích hiệu quả đầu tư dự trữ</p>            | 3            | 2                   | 1.5_4<br>2.1_4<br>2.2_4<br>2.3_3<br>3.1_4<br>3.2_4 | <p><b>GV:</b></p> <p>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết mô hình phân tích hiệu quả đầu tư dự trữ.</p> <p>(2) Đưa ra tình huống về các vấn đề phát sinh trong quản trị dự trữ ở doanh nghiệp trong thực tế</p> <p>(3) Giao nhiệm vụ cho SV.</p> <p><b>SV:</b></p> <p>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu)</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi liên quan đến lý thuyết</p> <p>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm.</p> | <p>(1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương và bài tập trong tài liệu được cung cấp</p> | [1]- Chương 5<br>[2]- Chương 9, Chương 10<br>[4]- Chương 3 |
| 8    | <p><b>Chương 5. Nguồn tài trợ ngắn hạn</b></p> <p>5.1. Tầm quan trọng của nguồn tài trợ ngắn hạn</p> <p>5.2. Tín dụng thương mại</p> | 3            | 2                   | 1.5_4<br>2.1_4<br>2.2_3<br>2.3_3                   | <p><b>GV:</b></p> <p>(1) Giao đề kiểm tra quá trình 90 phút</p> <p>(2) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về các kênh huy động vốn trong ngắn hạn.</p> <p>(3) Thuyết trình đặc điểm phương thức huy động vốn bằng tín dụng thương mại và vay không đảm bảo</p>  | <p>(1) Kiểm tra tự luận</p> <p>(2) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.</p> <p>(3) Làm trắc nghiệm ngắn của chương</p>             | [1]- Chương 10<br>[2]- Chương 6<br>[4]- Chương 3           |

| Tuần | Nội dung   | Số giờ LT | Số giờ BT/ TL | CDR học phần                                       | Hoạt động dạy - học   | Hoạt động kiểm tra đánh giá   | Tài liệu tham khảo              |
|------|--|-----------|---------------|--|---|---|---------------------------------|
|      | 5.3. Các khoản vay không đảm bảo   |           |               | 3.1_4<br>3.2_4                                     | (4) Giao nhiệm vụ cho SV.<br><br><b>SV:</b><br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).<br>(2) Làm bài kiểm tra quá trình<br>(3) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm   | thông qua elearning hoặc Quizzes.   |                                 |
| 9    | <b>Chương 5. Nguồn tài trợ ngắn hạn</b><br>5.3. Các khoản vay không đảm bảo<br>5.4. Các khoản vay có đảm bảo | 3         | 2             | 1.5_4<br>2.1_4<br>2.2_4<br>2.3_3<br>3.1_4<br>3.2_4 | <b>GV:</b><br>(1) Thuyết trình các nội dung lý thuyết về đặc trưng các phương thức huy động vốn bằng vay không đảm bảo (tiếp) và vay có đảm bảo<br>(2) Giao nhiệm vụ cho SV.<br><br><b>SV:</b><br>(1) Tự học (nghiên cứu tài liệu).<br>(2) Làm bài tập tình huống, trắc nghiệm. | (1) Trả lời các câu hỏi của giảng viên.<br>(2) Làm trắc nghiệm ngắn của chương thông qua tài liệu được cung cấp | [1]- Chương 10<br>[5]- Chương 3 |

CDR học phần có cấu trúc: STT của CDR học phần\_n

Trong đó, n là mức độ theo Bloom:

|           |               |                   |                        |                       |                         |              |
|-----------|---------------|-------------------|------------------------|-----------------------|-------------------------|--------------|
| Kiến thức | 1 - Biết/Nhớ  | 2 - Hiểu          | 3 - Vận dụng           | 4 - Phân tích         | 5 - Tổng hợp            | 6 - Đánh giá |
| Thái độ   | 1 - Tiếp nhận | 2 - Hồi đáp       | 3 - Đánh giá           | 4 - Tổ chức           | 5 - Tính cách           |              |
| Kỹ năng   | 1 - Bắt chước | 2 - Thao tác được | 3 - Thao tác chính xác | 4 - Thao tác biến hóa | 5 - Thao tác thuần thục |              |



## 5. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC

Học phân sử dụng kết hợp 8 phương pháp dạy học sau.

**Phương pháp 1 (Phương pháp Thuyết trình):** GV thuyết trình các nội dung lý thuyết trong môn Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 giúp sinh viên nắm bắt và hiểu rõ các vấn đề lý thuyết chuyên sâu dễ dàng hơn

**Phương pháp 2 (Phương pháp Vấn đáp):** Kết hợp với phương pháp thuyết trình GV sử dụng các hệ thống câu hỏi liên quan đến lĩnh vực quản trị tài chính doanh nghiệp, giúp SV tự rút ra được những kết luận, những vấn đề liên quan trực tiếp đến lý thuyết và ứng dụng lý thuyết trong thực tế

**Phương pháp 3 (Phương pháp Tự học):** GV giao trước các nội dung cần đọc và tìm hiểu trước khi SV đến lớp, tổng hợp các nội dung kiến thức lý thuyết chuyên sâu và các kiến thức thực tế về ngành nghề, về thị trường và về doanh nghiệp. Tự học giúp SV rèn luyện kỹ năng tìm kiếm thông tin, tra cứu tài liệu liên quan đến các lĩnh vực tài chính doanh nghiệp như các thông tin tài chính của doanh nghiệp, các thông tin giao dịch, thông tin về kinh tế, thị trường ...; rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và tổng quát hóa các kiến thức liên quan đến đầu tư tài chính trên cơ sở đó có thể phân tích và ra các quyết định đầu tư; rèn luyện đức tính kiên trì, tư duy phê phán và ý chí phấn đấu; bồi dưỡng hứng thú học tập, say mê nghiên cứu khoa học và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

**Phương pháp 4 (Phương pháp Thảo luận)** GV đưa ra các vấn đề thực tế liên quan đến đầu tư tài chính và tổ chức cuộc đối thoại giữa người học với người học hoặc giữa người học với giảng viên. Thảo luận có thể giúp người học khai thác được nhiều khía cạnh của một vấn đề, giúp người học phát triển khả năng trao đổi, trình bày suy nghĩ và quan điểm một cách rõ ràng, phát triển năng lực phân tích, tổng hợp.

**Phương pháp 5 (Phương pháp Làm việc nhóm):** GV tổ chức người học thành các nhóm nhỏ (5-7 người); mỗi thành viên trong nhóm vừa có trách nhiệm tự học tập vừa có trách nhiệm chia sẻ, giúp đỡ các thành viên khác hoàn thành nhiệm vụ học tập mà giảng viên đã giao.

**Phương pháp 6 (Phương pháp Tình huống):** GV cung cấp cho người học tình huống dạy học như phân tích một vài tình huống thực tế của doanh nghiệp vấp phải..., người học tìm hiểu, phân tích và hành động trong tình huống đã cho. Phương pháp này giúp NH tăng tính thực tiễn ứng dụng về đầu tư tài chính, giảm thiểu rủi ro cho người học trong thực tiễn nghề nghiệp liên quan đến đầu tư chứng khoán; nâng cao tính chủ động, sáng tạo, hứng thú học tập của người học. Ngoài ra, dạy học bằng phương pháp nghiên cứu tình huống cũng tạo cơ hội cho người học phát triển toàn diện các kỹ năng như: kỹ năng phân tích để xác định và giải quyết vấn đề, kỹ năng xây dựng và viết tình huống, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng trình bày vấn đề/quan điểm trước tập thể, kỹ năng tranh luận và bảo vệ ý kiến.

## 6. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Học phần sử dụng 06 phương pháp đánh giá kết quả học tập:

- Chuyên cần (công cụ đánh giá: rubrics, phụ lục đính kèm);
- Trắc nghiệm (công cụ: E-Learning hoặc Quizzes, đáp án, trong quá trình học);
- Tự luận (công cụ đánh giá: đáp án)
- Thực hành: kiểm tra quá trình và thi kết thúc học phần (công cụ đánh giá: đáp án; thời gian: 90 phút).

Điểm quá trình = Điểm kiểm tra đánh giá\*70% + Điểm chuyên cần\*30%

Trong đó, Điểm kiểm tra đánh giá gồm bài tập trên giấy còn điểm chuyên cần gồm cả điểm điểm danh và điểm cộng.

Điểm tổng kết = Điểm quá trình \* 30% + Điểm thi \* 70%.

Thi kết thúc học phần là bài thi trên giấy, thời gian 90 phút.

## 7. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC, PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP PHÙ HỢP VỚI CHUẨN ĐẦU RA HỌC PHẦN

| STT       | Chuẩn đầu ra của học phần  | Phương pháp dạy - học    |                     |                    |                       |                           |                        | Phương pháp đánh giá |             |         |           |
|-----------|--|--------------------------|---------------------|--------------------|-----------------------|---------------------------|------------------------|----------------------|-------------|---------|-----------|
|           |  | Phương pháp Thuyết trình | Phương pháp Vấn đáp | Phương pháp Tự học | Phương pháp Thảo luận | Phương pháp làm việc nhóm | Phương pháp Tình huống | Chuyên cần           | Trắc nghiệm | Tự luận | Thực hành |
| <b>1.</b> | <b>Vận dụng lý thuyết chuyên sâu về đầu tư tài chính trong hoạt động đầu tư thực tế</b>  |                          |                     |                    |                       |                           |                        |                      |             |         |           |
| 1.1.      | Nhận thức rõ các loại tài sản ngắn hạn và tầm quan trọng của việc xác định nhu cầu đầu tư vào các loại tài sản ngắn hạn.   | X                        | X                   | X                  | X                     | X                         | X                      | X                    | X           | X       | X         |
| 1.2.      | Phân tích các quyết định của một doanh nghiệp trong điều kiện của những thay đổi về đầu tư các loại tài sản ngắn hạn, chính sách tín dụng  | X                        | X                   | X                  | X                     | X                         | X                      | X                    | X           | X       | X         |
| 1.3.      | Hiểu được đặc điểm của các phương thức huy động vốn trong ngắn hạn và chi phí của các phương thức  | X                        | X                   | X                  | X                     | X                         | X                      | X                    | X           | X       | X         |
| <b>2.</b> | <b>Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến đầu tư tài chính</b>  |                          |                     |                    |                       |                           |                        |                      |             |         |           |
| 2.1.      | Thể hiện đạo đức, trách nhiệm của nhà quản trị trong quá trình hoạch định, tổ chức thực hiện, kiểm soát đánh giá các quyết định tài chính ngắn hạn trong doanh nghiệp                            |                          |                     |                    |                       | X                         | X                      |                      | X           | X       | X         |
| 2.2.      | Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp liên quan đến quản trị tài chính như tìm hiểu tài liệu, phân tích tài liệu, quản lý thời gian |                          | X                   | X                  | X                     | X                         | X                      |                      | X           | X       | X         |
| 2.3.      | Phát triển khả năng hợp tác, truyền thông, tính cam kết và tinh thần trách nhiệm của người học.  |                          |                     | X                  | X                     | X                         | X                      |                      | X           | X       | X         |
| <b>3.</b> | <b>Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng số và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến đầu tư tài chính</b>   |                          |                     |                    |                       |                           |                        |                      |             |         |           |
| 3.1.      | Hoạt động hiệu quả khi ở các vai trò nhóm trưởng hoặc thành viên nhóm  |                          |                     |                    |                       | X                         |                        | X                    |             | X       | X         |

|      |   |  |  |  |   |  |   |  |   |
|------|---|--|--|--|---|--|---|--|---|
|      | phụ trách một khía cạnh quản trị tài chính doanh nghiệp   |  |  |  |   |  |   |  |   |
| 3.2. | Trình bày một vấn đề quản trị tài chính doanh nghiệp một cách rõ ràng, thuyết phục bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt |  |  |  | x |  | x |  | x |
| 3.3. | Sử dụng thành thạo các thiết bị số, các phần mềm ứng dụng văn phòng   |  |  |  | x |  |   |  |   |

## 8. Tài liệu giảng dạy

Giáo trình

[1] Lưu Thị Hương (2018), *Quản trị tài chính doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê

[2] Ross, Westerfield và Jordan (2013), *Fundamental of corporate finance 10th*, Nhà xuất bản Mc GrawHill, USA.

Tài liệu tham khảo:

[3] Nguyễn Minh Kiều (2015), *Tài Chính doanh nghiệp căn bản*, Nhà xuất bản tài chính.

[4] Nguyễn Tấn Bình (2013), *Quản trị tài chính*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

[5] Cornect, Marcia Millon (2009), *Finance*, NXB McGraw – Hill/Irwin.

## 8. GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

| STT | Họ và tên     | Học hàm, học vị | Lĩnh vực chuyên môn   |
|-----|---------------|-----------------|-----------------------|
| 1.  | Ngô Thị Quyên | TS              | Tài chính - Ngân hàng |
| 2.  | Lê Thanh Nhân | ThS             | Tài chính - Ngân hàng |

## 9. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

Khoa Kinh tế - Quản lý và Bộ môn Tài chính - Ngân hàng có trách nhiệm phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể giảng viên tham gia giảng dạy thực hiện.

Giảng viên có nhiệm vụ:

- Phổ biến đề cương chi tiết học phần cho toàn thể người học vào tiết học đầu tiên của học phần;

- Thực hiện theo đúng nội dung và kế hoạch giảng dạy trong đề cương chi tiết đã được duyệt;

- Thiết lập MS team của lớp giảng dạy nhằm cung cấp tài liệu, giải đáp thắc mắc của sinh viên;

- Hướng dẫn sinh viên thiết lập tài khoản chứng khoán ảo trước khi tham gia vào lớp, thiết lập nhóm đầu tư tài chính trên trang web chứng khoán của trường;
- Lập kế hoạch tổ chức hoạt động trên lớp trước buổi học; chủ động tổ chức, điều phối các hoạt động để sinh viên tự học và hỗ trợ nhau trong quá trình học;
- Luôn tạo mọi cơ hội để SV cải thiện trình độ, cải thiện điểm.

**TRƯỞNG KHOA**



**GS.TS. Nguyễn Khắc Minh**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**TS. Ngô Thị Quyên**

**NGƯỜI BIÊN SOẠN**



**ThS. Lê Thanh Nhân**

## 10. PHỤ LỤC A: TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

### 10.1. Phụ lục 1. Rubric đánh giá chuyên cần

| Tiêu chí                              | Trọng số | Mức chất lượng  |                                      |   |   | Điểm |
|---------------------------------------|----------|---|--------------------------------------|---|---|------|
|                                       |          | Rất tốt   | Tốt                                  | Đạt yêu cầu                               | Không đạt                                   |      |
|                                       |          | 10-8,5  | 8,4-7                                | 6,9-5                                     | 4,9-0                                       |      |
| Mức độ tham dự theo TKB               | 50%      | Tham dự >90% số buổi  | Tham dự >80% đến 90% số buổi         | Tham dự >=70% đến 80% số buổi             | Tham dự <70% số buổi                        |      |
| Mức độ tham gia các hoạt động học tập | 50%      | Nhiệt tình trao đổi, phát biểu trả lời nhiều câu hỏi, bài tập | Có đặt, trả lời > 2 câu hỏi, bài tập | Có đặt trả lời ít nhất 1 câu hỏi, bài tập | Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp |      |

### 10.2. Phụ lục 2. Rubric đánh giá nhóm

| Tiêu chí đánh giá  | Trọng số | Giỏi  | Khá  | Trung bình   | Yếu  | Điểm |
|--------------------|----------|---|--|--|--|------|
|                    |          | 10-8,5  | 8,4-7  | 6,9-5  | 4,9-0  |      |
| Hình thức báo cáo  | 10%      | Đẹp, rõ, không lỗi chính tả                       | -----  | -----  | Đơn điệu, nhiều lỗi chính tả                     |      |
| Kỹ năng trình bày  | 10%      | Nói rõ, tự tin, thuyết phục giao lưu người nghe   | -----  | -----  | Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe |      |
| Nội dung báo cáo   | 40%      | Đáp ứng 80%- 100% yêu cầu                         | Đáp ứng 70%- <80% yêu cầu                            | Đáp ứng 50%- <70% yêu cầu                              | Đáp ứng dưới 50% yêu cầu                         |      |
| Trả lời câu hỏi    | 20%      | Trả lời đúng tất cả các câu hỏi                   | Trả lời đúng trên 2/3 số câu hỏi                     | Trả lời đúng trên 1/2 số câu hỏi                       | Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi                 |      |
| Tham gia thực hiện | 20%      | >80- 100% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | 60% đến <80% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | >40% đến < 60% thành viên tham gia thực hiện/trình bày | < 40% thành viên tham gia thực hiện/trình bày    |      |

**11. PHỤ LỤC B: MA TRẬN ĐỀ THI**

Hình thức thi: Bài thi trên giấy. Giảng viên chấm điểm bài thi trên giấy

Thời gian: 90 phút (gồm cả thời gian nộp bài)

| TT        | Nội dung  | Biết | Hiểu                              | Vận dụng                          | Vận dụng mức cao                  | Tổng                              |
|-----------|---|------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|-----------------------------------|
| <b>1.</b> | <b>Chương 1- Quản trị TSNH</b>  |      | <b>3 câu<br/>1,5 điểm<br/>15%</b> | <b>1 câu<br/>0,5 điểm<br/>5%</b>  |                                   | <b>4 câu<br/>2 điểm<br/>20%</b>   |
| 1.1.      | Một số công thức cơ bản sử dụng đặc trưng của TSNH, nhu cầu vốn đầu tư TSNH |      | 2 câu<br>1 điểm<br>10%            |                                   |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| 1.2.      | Đo lường hiệu quả sử dụng TSNH  |      | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| <b>2.</b> | <b>Chương 2- Quản trị ngân quỹ</b>  |      |                                   | <b>2 câu<br/>1,0 điểm<br/>10%</b> | <b>1 câu<br/>0,5 điểm<br/>5%</b>  | <b>3 câu<br/>1,5 điểm<br/>15%</b> |
| 2.1.      | Mô hình Baumol  |      |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| 2.2.      | Mô hình Miller-Orr  |      |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| <b>3</b>  | <b>Chương 3- Quản trị khoản phải thu</b>                                    |      | <b>1 câu<br/>0,5 điểm<br/>5%</b>  | <b>2 câu<br/>1,0 điểm<br/>10%</b> | <b>1 câu<br/>1 điểm<br/>10%</b>   | <b>4 câu<br/>2,5 điểm<br/>25%</b> |
| 3.1       | Hiệu quả chính sách tín dụng hiện tại                                       |      | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| 3.2       | Lựa chọn thu tiền ngay hoặc cấp tín dụng                                    |      |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |                                   | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%           |
| 3.3       | So sánh hiệu quả 2 chính sách tín dụng                                      |      |                                   |                                   | 1 câu<br>1 điểm<br>10%            | 1 câu<br>1 điểm<br>10%            |
| <b>4</b>  | <b>Chương 4 – Quản trị dự trữ</b>   |      |                                   | <b>1 câu<br/>1,0 điểm<br/>10%</b> | <b>1 câu<br/>1,0 điểm<br/>10%</b> | <b>3 câu<br/>2,5 điểm<br/>25%</b> |
| 4.1       | Mô hình EOQ   |      |                                   | 1 câu<br>1 điểm<br>10%            | 1 câu<br>1 điểm<br>10%            | 2 câu<br>2 điểm<br>20%            |
| 4.2       | Hiệu quả chính sách đầu tư dự trữ   |      |                                   |                                   | 1 câu                             |                                   |

| TT  | Nội dung                                 | Biết | Hiểu   | Vận dụng                         | Vận dụng mức cao       | Tổng                              |
|-----|--|------|--------|----------------------------------|------------------------|-----------------------------------|
|     |  |      |        |                                  | 1 điểm<br>10%          |                                   |
| 5   | <b>Chương 5 – Nguồn tài trợ ngắn hạn</b> |      |        | <b>3 câu<br/>1,5 điểm<br/>5%</b> |                        | <b>4 câu<br/>2,0 điểm<br/>20%</b> |
| 5.1 | Tín dụng thương mại                      |      |        | 1 câu<br>0,5 điểm<br>5%          |                        |                                   |
| 5.2 | Các khoản vay không đảm bảo              |      |        | 2 câu<br>0,5 điểm<br>5%          |                        |                                   |
| 5.3 | Các khoản vay có đảm bảo                 |      |        |                                  | 1 câu<br>1 điểm<br>10% |                                   |
|     | <b>Tổng số câu</b>                       | 0    | 4 câu  | 9 câu                            | 4 câu                  | <b>17 câu</b>                     |
|     | <b>Tổng số điểm</b>                      | 0    | 2 điểm | 5 điểm                           | 3 điểm                 | <b>10 điểm</b>                    |
|     | <b>Tỷ lệ %</b>                           | 0 %  | 20 %   | 50%                              | 30 %                   | <b>100%</b>                       |

